

KẾ HOẠCH**triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của
Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Chương trình công tác số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Kế hoạch số 17-KH/BCĐ ngày 31/01/2026 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng về chuyển đổi số trong các cơ quan đảng năm 2026; Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị; Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW ngày 05/01/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026, nội dung cụ thể như sau:

I - MỤC TIÊU, YÊU CẦU**1. Mục tiêu***1.1 - Mục tiêu chung*

a) Năm 2026 là năm tăng tốc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Ban Chỉ đạo về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; bảo đảm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đóng góp thiết thực, có thể đo lường được vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế đạt hai con số, trước hết thông qua việc nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản trị, chất lượng cung cấp dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

b) Tạo chuyển biến rõ nét, thực chất về chuyển đổi số trong toàn hệ thống chính trị; bảo đảm tính liên thông, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh; tập trung vào những khâu có tác

động trực tiếp đến năng suất, chi phí, thời gian xử lý công việc, chất lượng dịch vụ và khả năng mở rộng thị trường.

c) Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và thị trường; phát huy hiệu quả mô hình hợp tác giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp; đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phát triển đô thị thông minh, khu công nghệ số, trung tâm đổi mới sáng tạo theo hướng có sản phẩm cụ thể, có kết quả rõ ràng và có khả năng nhân rộng.

d) Ưu tiên bố trí nguồn lực để phát triển một số công nghệ chiến lược như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an toàn, an ninh mạng và các công nghệ liên quan, qua đó từng bước nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và sức cạnh tranh của tỉnh.

đ) Huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, dẫn dắt, hoàn thiện thể chế, tháo gỡ các rào cản và thúc đẩy phát triển thị trường; các sở, ngành, địa phương chủ động xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên, tập trung nâng cao trình độ công nghệ, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nhất là trong các ngành sản xuất, chế biến, chế tạo, qua đó hình thành các động lực tăng trưởng mới trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.2 - Mục tiêu cụ thể

a) Chỉ tiêu kết quả, đóng góp tăng trưởng

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP năm 2026 phấn đấu đạt 15%;
- Tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GRDP phấn đấu đạt 17,5%.
- Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng GRDP ước đạt 43,5%.

b) Về hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn kỹ thuật

- Hoàn thành việc rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm đã ban hành liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xác định đầy đủ danh mục các văn bản cần xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới; kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Đẩy mạnh hiện đại hóa phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, trợ lý ảo và các công

nghe hỗ trợ ra quyết định; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.

c) Về chuyển đổi số

(1) Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

- Về hạ tầng số

+ Mở rộng phủ sóng 5G đạt 95% dân số, bảo đảm chất lượng dịch vụ; ưu tiên phủ sóng khu vực sản xuất, logistics, cảng biển, cửa khẩu, khu công nghiệp và đô thị lớn.

+ Xóa vùng lõm sóng, nâng cao chất lượng kết nối; ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

+ Bảo đảm đầy đủ các điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số ở cấp xã; 100% cán bộ, công chức cấp xã được trang bị máy tính đáp ứng cấu hình kỹ thuật tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để xử lý, giải quyết công việc trên môi trường điện tử. Nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là đường truyền Internet, bảo đảm kết nối ổn định, thông suốt, ưu tiên các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo. Bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung kịp thời trang thiết bị công nghệ thông tin đã xuống cấp; đồng thời rà soát, khắc phục triệt để các tồn tại, lỗi kỹ thuật của các hệ thống thông tin đang vận hành, bảo đảm an toàn, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh và cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.

+ 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lõi) trong 4 khối cơ quan của hệ thống chính trị được tái cấu trúc, chuẩn hoá, số hoá và được đưa lên môi trường số.

+ Đưa vào vận hành, khai thác thực chất, hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung".

+ Triển khai có hiệu quả các đề án trọng điểm về phát triển công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) và an toàn - an ninh mạng.

+ Khai thác hiệu quả lợi thế từ các tuyến cáp quang biển cập bờ (ADC và SJC-2) và hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại một đô thị trọng điểm.

- Về số hóa, dữ liệu, nền tảng số

+ Thực hiện chuyển đổi các hệ thống lên Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Công an; đáp ứng yêu cầu lưu trữ, tích hợp, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành và cung cấp dịch vụ công.

+ Triển khai việc nhập liệu, kết nối, chia sẻ dữ liệu thực chất với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo kế hoạch của Trung ương; bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”. Hình thành Kho dữ liệu số cấp tỉnh.

+ Hoàn thành việc xây dựng, đưa vào vận hành thực chất các nền tảng số dùng chung của tỉnh, bảo đảm triển khai thống nhất từ tỉnh đến xã.

+ Bảo đảm 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh và cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc.

+ Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống hợp trực tuyến...) của các khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

+ Bảo đảm cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính đủ điều kiện.

+ Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến và Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC của cấp tỉnh lần lượt đạt tối thiểu 100% và 70%.

+ Tối thiểu 90% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

+ Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh đạt trên 95%.

+ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa trên địa bàn tỉnh đạt trên 95%.

+ 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.

+ 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

+ Chỉ duy trì các TTHC và DVCTT thực sự cần thiết. Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, chuyên ngành.

- Về nhân lực và năng lực thực thi công vụ trên môi trường số

+ Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị theo quy định; 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản gắn với vị trí việc làm; củng cố mô hình vận hành và điều kiện hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp, bảo đảm phục vụ liên tục, không gián đoạn.

+ 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

+ Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các khâu có tần suất lớn, rủi ro cao của công vụ (tiếp nhận, phân luồng hồ sơ; đối soát thành phần hồ sơ; kiểm tra tính hợp lệ; tổng hợp báo cáo; cảnh báo sai lệch dữ liệu), bảo đảm có cơ chế kiểm soát, lưu vết và trách nhiệm giải trình; phấn đấu nâng năng suất xử lý và giảm sai sót nghiệp vụ, rủi ro tuân thủ.

- Chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp

+ Tập trung chỉ đạo chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh; ưu tiên các chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan tỏa cao như: công nghiệp chế biến, chế tạo; thương mại và phân phối; tài chính, ngân hàng; giao thông vận tải và logistics; nông nghiệp; xây dựng; du lịch.

+ Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ; phát triển quản trị số, sản xuất thông minh, logistics thông minh; tăng cường liên kết doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học để đổi mới công nghệ.

(2) Kinh tế số

- 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.

- Chuyển đổi số thực chất các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh; ưu tiên các chuỗi giá trị có quy mô

lớn và khả năng lan toả cao.

(3) Xã hội số:

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Chuyển đổi số thực chất các ngành, lĩnh vực có tác động tới an sinh và phúc lợi của người dân như: y tế, giáo dục, văn hoá, lao động, việc làm, an sinh xã hội, thực phẩm và môi trường.

- Nâng cao kỹ năng số và văn hoá đổi mới sáng tạo; lan toả nhận thức về KHCN, ĐMST, CDS, tạo sự đồng thuận xã hội và chuyển đổi hành vi số của người dân, doanh nghiệp.

d) Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

(1) Đổi mới cơ chế đặt hàng và đưa kết quả vào sử dụng thực tế

- 100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh được xác định theo bài toán/nhu cầu và có đơn vị tiếp nhận/ứng dụng (cơ quan nhà nước, địa phương hoặc doanh nghiệp) ngay từ khâu phê duyệt nhiệm vụ.

- Tối thiểu 70% nhiệm vụ cấp tỉnh triển khai theo cơ chế đặt hàng; trong đó tối thiểu 30% có đồng tài trợ từ doanh nghiệp/địa phương và cam kết đầu ra (hợp đồng/đơn hàng/lộ trình áp dụng).

- 100% nhiệm vụ cấp tỉnh có kế hoạch triển khai ứng dụng/thương mại hóa và chỉ tiêu đo lường (hiệu quả, phạm vi áp dụng, thời hạn đưa vào sử dụng) kèm cơ chế theo dõi sau nghiệm thu.

(2) Phát triển nhân lực

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (ICISE); từng bước nâng cấp Viện Nghiên cứu Khoa học và Giáo dục Liên ngành (IFIRSE) trở thành viện nghiên cứu trọng điểm cấp quốc gia.

- Xây dựng Kế hoạch thành lập trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo tại Đại học Quy Nhơn.

- Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về bán dẫn, AI và an toàn - an ninh mạng.

(3) Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

- Nâng chất lượng hoạt động trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm, không gian hỗ trợ khởi nghiệp, gắn trực tiếp với bài toán của doanh nghiệp và địa phương; ưu tiên mô hình có doanh thu dịch vụ/đầu tư tư nhân.

- Đẩy mạnh bảo hộ, khai thác tài sản trí tuệ từ kết quả nghiên cứu; yêu cầu mỗi nhiệm vụ trọng điểm có kế hoạch quản trị tài sản trí tuệ và phương án khai thác sau nghiệm thu.

- Tăng 30% doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startups) trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 20%.

- Đưa vào vận hành Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh; lựa chọn và ký hợp tác với tối thiểu 01 quỹ đầu tư tư nhân, doanh nghiệp, ngân hàng hoặc tổ chức tài chính theo nguyên tắc huy động vốn đối ứng. Quỹ đầu tư cho tối thiểu 01 doanh nghiệp khởi nghiệp (startup), khởi nguồn (spin-off).

(4) Số hóa, minh bạch hóa quản trị nhiệm vụ khoa học, công nghệ

- 100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh được quản lý, theo dõi trên nền tảng số của ngành Khoa học và Công nghệ; cập nhật đầy đủ vòng đời nhiệm vụ (đặt hàng, tuyển chọn/giao trực tiếp, hợp đồng, giải ngân, nghiệm thu, chuyển giao, theo dõi sau nghiệm thu).

- 100% thông tin kết quả và tài chính của nhiệm vụ (phần được công khai theo quy định) được minh bạch hóa trên nền tảng số; bảo đảm lưu vết, ký số, đối soát tiến độ, giải ngân, sản phẩm.

- Tối thiểu 90% nhiệm vụ thực hiện cập nhật tiến độ định kỳ hằng tháng; chậm cập nhật/không đủ dữ liệu bị đưa vào diện cảnh báo.

- Thời gian phê duyệt nhiệm vụ KH-CN, ĐMST trung bình khoảng 90 ngày (tính từ ngày chốt nhận hồ sơ theo đợt đến ngày ban hành quyết định phê duyệt).

(5) Nâng cao năng lực hạ tầng nghiên cứu - thử nghiệm - sản xuất thử để rút ngắn “từ phòng thí nghiệm ra thị trường”

Rà soát, nâng cấp và liên thông hạ tầng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu - phát triển, cơ sở đánh giá/chứng nhận; hình thành phòng thí nghiệm về công nghệ bán dẫn, công nghệ sinh học.

2. Yêu cầu

Từng thành viên Ban Chỉ đạo, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi được phân công, chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nội dung, nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo tỉnh giao; bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Xác định rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thời hạn, rõ thẩm quyền; bảo đảm thống nhất từ khâu giao nhiệm vụ đến tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả. Bảo đảm kịp thời nguồn lực kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp.

- Kết hợp chặt chẽ giữa việc thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên (như hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, phát triển hạ tầng) với các nhiệm vụ đột phá, sáng tạo, có tác động lan tỏa, tạo chuyển biến rõ nét trong thực tiễn.

- Bảo đảm tính khả thi, thiết thực, tránh hình thức; mọi nhiệm vụ, kết quả thực hiện phải được lượng hóa, đo lường bằng chỉ tiêu, số liệu cụ thể, có cơ sở kiểm chứng, được theo dõi, giám sát minh bạch trên môi trường số. Kiên quyết phòng, chống lãng phí cả về tài chính và thời gian; kiểm soát hiệu quả đầu tư ngay từ khâu chủ trương, danh mục nhiệm vụ và phân bổ nguồn lực.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ và kết quả thực hiện; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm, kể cả thay thế cán bộ.

- Lấy kết quả đầu ra và tác động làm thước đo; doanh nghiệp là trung tâm của chuyển hoá kết quả khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; dữ liệu là tài nguyên chiến lược để tạo động lực tăng trưởng thực chất.

II - NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW với nội dung đầy đủ, bám sát tình hình thực tiễn của địa phương; phân công nhiệm vụ, trách nhiệm rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026, bám sát thực tiễn, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả. Xác định các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (KPI) tương ứng với từng nhiệm vụ đề ra, tổng hợp gửi Thường trực Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương để đưa vào theo dõi trên Hệ thống **theodoingq.dcs.vn**; đôn đốc thường xuyên việc thực

hiện. Kết quả thực hiện trên hệ thống là căn cứ quan trọng để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ và trách nhiệm của người đứng đầu.

- Các sở, ban, ngành, cơ quan chức năng tăng cường phối hợp, chủ động tham mưu Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện; bảo đảm chất lượng, chặt chẽ về nội dung, đúng quy trình, quy định và tiến độ; có tính khả thi cao, sát thực tiễn, dễ tiếp cận, tạo điều kiện để nhanh chóng đưa chủ trương, nghị quyết vào cuộc sống.

2. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 22-KH/TU của Tỉnh ủy; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, cụ thể hóa nội dung theo từng nhóm đối tượng, xác định rõ mục tiêu, yêu cầu và kết quả cần đạt, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

- Xây dựng và duy trì các chương trình, chuyên đề về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, phát thanh, báo điện tử và các nền tảng mạng xã hội, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và lan tỏa trong toàn xã hội.

- Triển khai thường xuyên, liên tục phong trào “Bình dân học vụ số”; phổ cập và nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số và công nghệ số cơ bản cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân, gắn với việc khai thác hiệu quả các nền tảng đào tạo trực tuyến do Trung ương triển khai.

- Quan tâm bố trí, cơ cấu hợp lý đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học, kỹ thuật trong cấp ủy các cấp, hướng tới phần đầu đạt tối thiểu 25%; đồng thời phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện chính sách thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nguồn nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh Gia Lai; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, trong đó có việc ứng dụng, sử dụng trợ lý ảo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

3. Về hoàn thiện thể chế, chính sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Ban hành Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành Khung kiến trúc dữ liệu, Khung kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) phát triển đô thị thông minh của tỉnh; triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026.

- Xây dựng, triển khai Kế hoạch phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Đề án đổi mới cơ chế quản lý, điều hành và hoạt động Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh.

- Thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh theo quy định của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo 2025.

- Ban hành chính sách về thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành quy định Quản lý nhiệm vụ Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với phát triển nhân lực và khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số; quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với dự án công nghệ số, công nghiệp bán dẫn, sản xuất thiết bị điện tử và thiết kế chip bán dẫn.

- Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn nhằm thực hiện Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo 2025; Luật Chuyển đổi số; Luật Trí tuệ nhân tạo... và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Rà soát, xây dựng hoàn thiện các hướng dẫn kỹ thuật cho chuyển đổi số và phát triển KHCN, ĐMST, phục vụ phát triển kinh tế xã hội;

- Triển khai thực hiện chính sách phát triển, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hướng dẫn, áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo mật.

- Triển khai các cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược trong các ngành, lĩnh vực.

- Ban hành danh mục dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu mở, làm cơ sở kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

4.1 - Thúc đẩy thương mại hoá các sản phẩm công nghệ

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ quan trọng thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, như: “Đề án phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an toàn - an ninh mạng giai đoạn 2025 – 2030”; “Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an toàn và an ninh mạng giai đoạn 2025 – 2030”; triển khai “Đề án xây dựng Khu Công nghệ thông tin tập trung” sau khi cấp có thẩm quyền ban hành với định hướng phát triển thành hạt nhân của hệ sinh thái công nghệ số, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và đổi mới sáng tạo tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên, việc triển khai kịp thời các đề án trên là điều kiện để Tỉnh hình thành các sản phẩm chiến lược (theo Quyết định 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ).

- Tập trung hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn và các công nghệ chiến lược khác. Tiếp tục hỗ trợ, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (ICISE) với định hướng nghiên cứu khoa học cơ bản, triển khai các đề tài ứng dụng, là nơi thu hút các nhà khoa học hàng đầu thế giới đến tham gia các hội thảo khoa học chuyên ngành.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chiến lược do Trung ương ban hành về nghiên cứu, ứng dụng, khai thác không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ.

- Triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành công nghệ chiến lược.

- Thí điểm áp dụng mô hình hợp tác "3 nhà" (Nhà nước - viện/trường - doanh nghiệp) trong phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược. Theo đó, mỗi sản phẩm do một doanh nghiệp dẫn dắt và đồng đầu tư cùng Nhà nước theo tỉ lệ phù hợp, tùy thuộc vào độ phức tạp của công nghệ (50-50, 30-70 hoặc 70-30...) bảo đảm trong khung khổ quy định pháp luật cho phép. Đầu bài do doanh nghiệp dẫn dắt xây dựng, phối hợp cùng Nhà nước và đối tác viện/trường, gắn với kế hoạch thương mại hoá, phát triển thị trường và xuất khẩu. Nhà nước nghiên cứu cơ chế hỗ trợ, khuyến khích sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược trong mua sắm công nếu đáp ứng các tiêu chí về sở hữu trí tuệ, tỉ lệ nội địa hoá và tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (ưu tiên tiêu chuẩn/quy chuẩn quốc tế).

4.2 - Thí điểm và mở rộng cơ chế đặt hàng, mua sắm công đối với sản phẩm từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST

- Nghiên cứu xây dựng chương trình, kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển, ưu tiên sử dụng trong mua sắm công, tiến tới dần thay thế nhập khẩu, đặc biệt đối với các lĩnh vực đòi hỏi an toàn, bảo mật thông tin (ví dụ: với camera AI trong các dự án công...) bảo đảm minh bạch và phù hợp với các quy định pháp luật.

- Lựa chọn tối thiểu 03 bài toán lớn gắn với điều kiện thực tiễn, thế mạnh và dư địa tăng trưởng của địa phương mình (ví dụ: công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến - chế tạo, du lịch, logistics, y tế, giáo dục, quản trị đô thị...), tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để giải quyết ngay trong năm 2026.

- Bố trí ngân sách địa phương cho KHCN, ĐMST, CDS có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp, chồng chéo, lãng phí; ưu tiên nhiệm vụ có đồng tài trợ, có hợp đồng tiêu thụ hoặc chuyển giao; kiên quyết dừng nhiệm vụ kém hiệu quả, kéo dài, không có đầu ra.

- Tổ chức thí điểm tối thiểu 03 gói mua sắm công đối với sản phẩm/giải pháp từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST được ứng dụng trong khu vực công (quản trị, dịch vụ công, y tế, giáo dục, đô thị thông minh, đường sắt đô thị...).

4.3 - Phát triển nhân lực tình hoa và đại học số

- Đầu tư, phát triển các cơ sở đào tạo theo hướng gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng vào sản xuất và đời sống tập trung vào các định hướng phát triển của tỉnh.

- Tăng cường nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học; tập trung đào tạo chuyên môn sâu cho đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên của các cơ sở đào tạo, nghiên cứu để có thể làm chủ các công nghệ mới như công nghệ chiết xuất dược liệu, chiết xuất dịch chiết cao cấp; tăng cường vai trò là cầu nối giữa các nhà cung cấp công nghệ (viện, trường, doanh nghiệp khoa học và công nghệ ngoài tỉnh) và các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất tại Gia Lai; ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất các sản phẩm ưu thế, chủ lực của tỉnh; phát triển các dịch vụ tư vấn Sở hữu trí tuệ (đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý) và Chứng nhận tiêu chuẩn (VietGAP, HACCP, nông nghiệp hữu cơ).

4.4 - Số hoá, quản trị minh bạch nhiệm vụ KHCN

- Triển khai Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, quản lý dựa trên dữ liệu và chỉ tiêu mức dịch vụ, nhằm rút ngắn thời gian phê duyệt nhiệm vụ KHCN, ĐMST còn trung bình khoảng 90 ngày (tính từ ngày chốt nhận hồ sơ theo đợt đến ngày ban hành quyết định phê duyệt) sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn chỉnh hệ thống.

- Triển khai chuyển đổi số lĩnh vực sở hữu trí tuệ; xây dựng hoặc nâng cấp hệ thống tra cứu công nghệ và sở hữu công nghiệp. Đẩy mạnh bảo hộ, khai thác tài sản trí tuệ từ kết quả nghiên cứu; yêu cầu mỗi nhiệm vụ trọng điểm có kế hoạch quản trị tài sản trí tuệ và phương án khai thác sau nghiệm thu.

- Triển khai Công sáng kiến KHCN quốc gia và Sàn giao dịch KHCN để kết nối cung - cầu công nghệ ở địa phương bảo đảm hoạt động thực chất, hiệu quả.

- Triển khai cơ chế trao đổi thông tin, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức có liên quan (đặc biệt là khối doanh nghiệp) trong việc sử dụng kinh phí hoạt động KHCN, ĐMST, CDS sau khi bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

4.5 - Nâng cao năng lực hạ tầng nghiên cứu - thử nghiệm - sản xuất thử

- Thành lập hoặc kiện toàn đầu mối điều phối đổi mới sáng tạo cấp tỉnh bảo đảm hiệu quả, phù hợp theo quy định; ban hành danh mục nhu cầu công nghệ của địa phương; tổ chức kết nối với viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ để chuyển giao, làm chủ công nghệ.

- Tổ chức đánh giá trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp/cụm ngành chủ lực của địa phương; xây dựng kế hoạch nâng cấp dây chuyền gắn mục tiêu nâng năng suất, chất lượng; Hình thành tối thiểu 01 mô hình thí điểm có thể nhân rộng (theo chuỗi giá trị hoặc theo ngành chủ lực của địa phương), có bộ chỉ tiêu kết quả và cơ chế duy trì sau thí điểm (đặt hàng dịch vụ, doanh thu, xã hội hoá).

- Hỗ trợ nâng cấp Viện Nghiên cứu Khoa học và Giáo dục Liên ngành (IFIRSE) trực thuộc Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (ICISE) tại phường Quy Nhơn Nam trở thành viện nghiên cứu trọng điểm cấp quốc gia.

- Đầu tư và phát triển phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu và phát triển sản phẩm Chip bán dẫn tại Trường Đại học Quy Nhơn.

- Nghiên cứu triển khai thành lập “Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vũ trụ” theo chiến lược phát triển khoa học công nghệ vũ trụ Việt Nam đến năm 2030 của Chính phủ sau khi có sự thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Xúc tiến hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo tại tỉnh theo mô hình hợp tác công tư hoặc mô hình do doanh nghiệp đầu tư và quản lý.

- Xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học.

4.6 - Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

- Ban hành triển khai Kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương.

- Tiếp tục triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia”, Chương trình “Nâng cao năng suất chất lượng hàng hóa”, Chương trình “Đổi mới công nghệ”, Chương trình “Phát triển thị trường khoa học và công nghệ”, Chương trình “Phát triển tài sản trí tuệ” trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả, hiệu suất cao; thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp.

- Tổng hợp, lựa chọn các sản phẩm, giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để đưa vào ứng dụng thực tiễn.

- Tiếp tục quan tâm đến định hướng khởi nghiệp, nguồn lực phát triển, cơ sở pháp lý, chính sách dành cho sự phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ để từng bước thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong đó, tập trung phổ biến sâu rộng các quy định pháp luật về doanh nghiệp khoa học và công nghệ đến các doanh nghiệp và đồng thời ban hành các chính sách riêng của tỉnh Gia Lai để thúc đẩy hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, xây dựng danh mục dự án thu hút doanh nghiệp công nghệ trên thế giới đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Gia Lai.

5. Về chuyển đổi số

5.1 - Về hạ tầng số

- Thực hiện giải quyết dứt điểm 16 thôn chưa có mạng băng rộng cố định và 01 thôn chưa được phủ sóng di động. Ngoài ra, việc tối ưu hóa dung lượng từ hai tuyến cáp quang biển quốc tế mới (ADC và SJC-2) để bảo đảm tốc độ Internet ổn định, đo kiểm, đánh giá định kỳ chất lượng dịch vụ băng thông rộng.

- Phát triển và chuẩn hóa nền tảng dữ liệu số của tỉnh, hoàn thiện hạ tầng dữ liệu, triển khai Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) hiệu quả, bảo đảm kết nối thông suốt với các cơ sở dữ liệu quốc gia, đồng thời chuẩn hóa dữ liệu dùng chung và ứng dụng giải pháp lưu trữ trên điện toán đám mây (iCloud); mở rộng ứng dụng IPv6 cho các hệ thống ứng dụng chuyên ngành khác của tỉnh.

- Nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị công nghệ thông tin đã xuống cấp; trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu; Bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc; tiếp tục rà soát, cập đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn. Đối với cấp xã, việc rà soát, nâng cấp bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Mô hình chuyển đổi số cấp xã do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn.

5.2 - Về quản trị điều hành trên môi trường số

- Triển khai có hiệu quả bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành và kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

- Duy trì, vận hành, nâng cấp Trung tâm điều hành thông minh (IOC) gắn với xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh để từng bước quản trị, điều hành dựa trên dữ liệu, đồng bộ hoàn thiện hệ thống thông tin kinh tế - xã hội 02 cấp để quản lý tập trung, theo dõi và tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên toàn tỉnh, kết nối luồng dữ liệu từ xã, phường lên đến sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.3 - Về phát triển kinh tế số

- Tập trung triển khai Đề án Phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2025 - 2030. Xây dựng Khu công nghệ số tập trung của tỉnh; thu hút đầu tư, triển khai các dự án trọng điểm.

- Tập trung thu hút đầu tư, triển khai các dự án trọng điểm tại Khu Công viên Phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ số tập trung, dự án phát triển trí tuệ nhân tạo (AI) do Tập đoàn FPT thực hiện nhằm tạo dựng nền móng vững chắc cho ngành công nghiệp công nghệ cao.

- Phân đầu năm 2026 kinh tế số đóng góp 15% GRDP của tỉnh với trọng tâm là ứng dụng công nghệ số vào các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và quản lý, từng bước đưa Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực. Triển khai các giải pháp để đảm bảo 50% dân số trưởng thành trở lên có chữ ký số.

- Rà soát, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Tăng cường đưa sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử. Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, quản lý thuế. Xây dựng Chương trình hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất thông minh.

- Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực như nông nghiệp; du lịch; logistics; công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đăng ký doanh nghiệp, sử dụng hóa đơn điện tử.

5.4 - Về phát triển xã hội số, công dân số

- Tiếp tục triển khai các khóa học trên nền tảng “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh; phấn đấu 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia các khóa học đã được tích hợp trên nền tảng trực tuyến “Bình dân học vụ số” (MOOCs) do Bộ Công an triển khai tại địa chỉ <https://binhdanhocvuso.gov.vn>; 80% người dân trong độ tuổi trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để khai thác thông tin, tiếp cận và sử dụng các nền tảng, dịch vụ số thiết yếu; biết cách bảo vệ bản thân trên môi trường số; trên 90% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có kiến thức cơ bản về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng thiết bị thông minh để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao năng suất lao động.

- Triển khai Hồ sơ bệnh án điện tử; liên thông dữ liệu y tế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Thúc đẩy hợp tác công - tư trong triển khai các giải pháp y tế số.

- Triển khai thực hiện Đề án Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030. Duy trì, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng, các nhà văn hoá thôn, bản là các điểm tiếp cận số tại địa phương; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập kiến thức và nâng cao kỹ năng số cho người dân bằng nhiều hình thức phù hợp, góp phần nâng cao năng lực sử dụng dịch vụ số, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, bền vững.

- Triển khai thí điểm chuyển đổi số toàn diện cho xã Tây Sơn (xã hạt nhân mô hình điểm về chuyển đổi số). trong đó chú trọng triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số trong: đất đai, khai thác khoáng sản, quản lý rừng, đánh giá thiên tai, đánh số nhà, xây dựng bản đồ nền trên địa bàn xã, dịch vụ công, an ninh, trật tự, chợ số, trường học số, y tế số, bình dân học vụ số ...

5.5 - Về phát triển đô thị thông minh, thành phố thông minh

- Tiếp tục triển khai Đề án phát triển đô thị thông minh của tỉnh, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển đô thị thông minh quốc gia và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh.

6. Triển khai nền tảng, ứng dụng số; thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

6.1 - Nền tảng, ứng dụng số

- Triển khai các nền tảng, ứng dụng số theo hướng dẫn chung của Trung ương; triển khai mô hình “Cửa khẩu số” tại Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong tất cả các lĩnh vực.

- Các đơn vị, địa phương thực hiện tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử; 100% các đơn vị gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số; Hoàn thành số hoá 100% tài liệu lưu trữ trong 3 năm gần đây; Số hoá 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lỗi) của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số.

- Triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây; thu hút doanh nghiệp nước ngoài đặt trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây tại tỉnh.

6.2 - Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến

- Triển khai rà soát từng thủ tục hành chính để xem xét các thành phần hồ sơ liên quan đến dữ liệu Trung ương hoặc dữ liệu chuyên ngành của tỉnh để đề xuất việc khai thác, tái sử dụng dữ liệu.

- Thực hiện việc thiết lập quy trình tiếp nhận hồ sơ trực tuyến phi địa giới đối với các trường hợp người dân nộp hồ sơ giấy theo quy trình.

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; Số hoá đầy đủ hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu dữ liệu và phục vụ tái sử dụng thông tin; Thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ cung cấp thông tin một lần; tổ chức kiểm tra, giám sát trên môi trường số; kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Cấp xã bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, hạ tầng mạng, phân công lãnh đạo, nhân lực; bố trí đủ nhân sự cho việc giải quyết TTHC đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn.

7. Xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, chuyên ngành, phát triển dữ liệu

- Triển khai cập nhật dữ liệu cho các CSDL quốc gia, CSDL ngành do các bộ, ngành triển khai. Tạo lập, chuẩn hóa thông tin, dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn; CSDL nông nghiệp, thu hút đầu tư.

- Tập trung kết nối, chia sẻ dữ liệu cho Kho dữ liệu của tỉnh; từng bước hình thành dữ liệu theo thời gian thực. Xây dựng các CSDL địa phương, các dashboard chuyên ngành phục vụ việc chỉ đạo, điều hành, ra quyết định của lãnh đạo các cấp.

8. An ninh, an toàn thông tin và bảo vệ thông tin bí mật nhà nước

- Quán triệt nguyên tắc "An ninh mạng là điều kiện tiên quyết của chuyển đổi số". Chủ động triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ngay từ khâu thiết kế, đầu tư, vận hành; ưu tiên các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ thủ tục hành chính và hệ thống dữ liệu lõi.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm an ninh mạng của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Công an và triển khai các biện pháp nhằm bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu; Triển khai các giải pháp mã hóa, bảo mật thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực quốc phòng theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ tự động hóa chỉ huy và hiện đại hóa quân đội theo chỉ đạo của Trung ương.

9. Phát triển nguồn nhân lực cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật; thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức KH-CN, ĐMST, kỹ năng, công nghệ số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động gắn với vị trí việc làm và đa ngôn ngữ (dân tộc thiểu số); củng cố mô hình vận hành và điều kiện bảo đảm hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp, đáp ứng yêu cầu phục vụ liên tục, thông suốt, không gián đoạn trong môi trường số.

- Tập trung triển khai 02 đề án: Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an toàn và an ninh mạng giai đoạn 2025 - 2030; Đề án phát triển giáo dục STEM cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng chính sách về đào tạo đối với sinh viên học các ngành bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an toàn an ninh mạng.

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về công nghệ thông tin, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu triển khai chính sách đãi ngộ đặc thù, thu hút các chuyên gia đầu ngành theo quy định (bao gồm chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài) để dẫn dắt các dự án công nghệ chiến lược (AI, Robot, Y sinh, bán dẫn, lượng tử...).

10. Bảo đảm kinh phí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ pháp luật hiện hành, yêu cầu thực tiễn công việc và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Nội vụ) thực hiện việc phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện các mô hình về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm đúng pháp luật, hiệu quả, chặt chẽ, không trùng lặp.

- Bảo đảm tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt mức theo phân bổ ngân sách Trung ương và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Chủ động rà soát, điều chỉnh/hoàn thiện đăng ký kinh phí và kế hoạch vốn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và kế hoạch hoạt động của mình trong năm 2026.

- Triển khai thực chất và giải ngân theo đúng tiến độ công việc, không để chậm trễ, ảnh hưởng đến mục tiêu, tiến độ chung của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

11. Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tiếp tục duy trì và nâng tầm Trung tâm ICISE để trở thành nơi gặp gỡ, hội tụ của các nhà khoa học, lan tỏa các kết quả từ các hội nghị, hội thảo và lớp học chuyên đề khoa học trong nước và quốc tế, góp phần phát triển khoa học và công nghệ, thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương. Trong đó, đặt trọng tâm vào việc nghiên cứu khoa học cơ bản, nghiên cứu chuyên sâu vào 4 hướng nghiên cứu chính là: vật lý Neutrino, vật lý thiên văn, vật lý lượng tử, lý sinh học. Trước mắt, tập trung vào việc thu hút các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu có uy tín trong lĩnh vực mà Việt Nam còn thiếu, còn yếu về nhân lực.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Ký kết các bản ghi nhớ hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với các địa phương, tổ chức nước ngoài.

12. Giám sát, đánh giá

- Tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này và các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện để chủ động đề xuất, điều chỉnh cơ chế, chính sách, quy định, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, yêu cầu đã đề ra.

- Ban hành quy chế giám sát, đánh giá; xây dựng cơ chế theo dõi, kiểm tra thống nhất, đồng bộ; thành lập các đoàn kiểm tra định kỳ; thực hiện chế độ báo cáo

kết quả theo tháng, quý, 6 tháng và hằng năm. Tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm; trên cơ sở đó kịp thời điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và tình hình phát triển của tỉnh.

- 100% nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo được theo dõi, giám sát, đánh giá trên Hệ thống **nq57.gialai.gov.vn**. Thông tin, số liệu được cập nhật kịp thời, khách quan, có đối chiếu, kiểm chứng, nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan.

(Chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục đính kèm)

III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo

- Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thống nhất việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh; chủ động đôn đốc, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện Kế hoạch này.

- Tham mưu Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp trọng tâm, trọng điểm để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm và kiểm tra đột xuất đối với các sở, ban, ngành, địa phương; kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh, xử lý các hạn chế, thiếu sót, chậm trễ trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn (3 tháng, 6 tháng, hằng năm); thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, kịp thời với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương theo quy định và yêu cầu.

2. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy

- **Văn phòng Tỉnh ủy:** Thực hiện nhiệm vụ Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Chương trình công tác năm của Ban Chỉ đạo, trình Ban Chỉ đạo ban hành; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác tổng hợp, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện Kế hoạch; định kỳ và đột xuất tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo theo quy định; bảo đảm thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo được kịp thời, thông suốt.

- **Ban Tổ chức Tỉnh ủy:** Tham mưu, đề xuất các giải pháp về công tác cán bộ nhằm phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cho chủ trương bố trí, sử dụng phù hợp đội ngũ cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật, công nghệ giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý và tham gia cấp ủy các cấp.

Tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy, cơ cấu nguồn nhân lực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng các cấp; nghiên cứu, đề xuất chính sách thu hút, trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực chuyên môn nhằm thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

- **Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy:** Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW; hướng dẫn công tác tuyên truyền trong nội bộ hệ thống chính trị, trên các cơ quan báo chí và nền tảng mạng xã hội, góp phần tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động.

- **Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy:** Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất; kịp thời phát hiện, xem xét, xử lý các vi phạm trong quá trình triển khai Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy theo quy định.

- **Ban Nội chính Tỉnh ủy:** Theo dõi, nắm tình hình, tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh, xử lý sai phạm, tiêu cực trong quá trình triển khai các dự án, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc để xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, huy động nguồn lực: Đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác công tư, quỹ đầu tư mạo hiểm... Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ban Chỉ đạo và Thường trực Tỉnh ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

4. Các cấp ủy đảng trực thuộc

- Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể, phù hợp với đặc thù của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân, bảo đảm thống nhất về nhận thức và hành động.

- Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trên địa bàn, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo; kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh về tiến độ thực hiện, những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất; chủ động phản ánh các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai; phối hợp chặt chẽ với các đoàn kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo và các cơ quan đảng cấp trên. Định kỳ 3 tháng, 6 tháng và hằng năm, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến; đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và cộng đồng doanh nghiệp tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tạo động lực thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn

5. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Phối hợp với các cơ quan chức năng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch hành động số 22-KH/TU của Tỉnh ủy.

- Chủ động phát động và tổ chức các phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tăng cường hoạt động giám sát và phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời tổng hợp, phản ánh những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh, kiến nghị với Ban Chỉ đạo tỉnh để xem xét, chỉ đạo xử lý.

- Phát huy vai trò nòng cốt của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn Thanh niên, các hội, hiệp hội và tổ chức thành viên; tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn, nâng cao kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các đối tượng có liên quan, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026 của Tỉnh ủy Gia Lai.

Yêu cầu các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, các đảng ủy trực thuộc, các tổ chức đảng, sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ

Yêu cầu các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, các đảng ủy trực thuộc, các tổ chức đảng, sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh nghiêm túc quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời báo cáo kết quả, khó khăn, vướng mắc về Ban Chỉ đạo tỉnh để tổng hợp, xem xét, chỉ đạo./.

(Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026). /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương,
- Các ban đảng Trung ương tại T26,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đ/c thành viên BCD NQ57 tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- CPVP, Phòng CDS-CY, P.TH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

Trần Thanh Hoài

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Thái Đại Ngọc



Phụ lục

DANH MỤC 93 NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW TRONG NĂM 2026*(Kèm theo Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12/02/2026 của Tỉnh ủy Gia Lai)*

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I.	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				
1.	Triển khai tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 71/NQ-CP và Nghị quyết 11/NQ-CP, Kế hoạch hành động số 22-KH/TU của Tỉnh ủy theo hướng đa dạng hóa các hình thức, cụ thể hóa nội dung và có mục tiêu cụ thể.	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai; các sở, ngành, địa phương.	Văn bản triển khai	Hàng tháng
2.	Xây dựng chương trình chuyên đề về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh, báo điện tử và mạng xã hội.	Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai	Sở Khoa học và Công nghệ	Chương trình, chuyên đề	Hàng tháng

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
3.	Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân thông qua các nền tảng đào tạo trực tuyến do Trung ương triển khai.	Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy	Các sở, ngành, địa phương	100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia các khóa học đã được tích hợp trên nền tảng trực tuyến “Bình dân học vụ số”	Thường xuyên
4.	Triển khai thực hiện “Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước” của Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Quý I/2026
5.	Xây dựng Kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Các sở, ngành, địa phương		Kế hoạch công tác	Quý I/2026
6.	Phát động và tổ chức phong trào thi đua đổi mới sáng tạo trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Các sở, ngành, các tổ chức - chính trị xã hội, địa phương	Văn bản triển khai	Tháng 02/2026
7.	Xây dựng và triển khai Kế hoạch nâng cao, cải thiện chỉ số xếp hạng Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo ở địa phương (PII)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
II.	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện các thể chế liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, những vấn đề bất cập trong quá trình thực hiện; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
8.	Triển khai cơ chế, chính sách đầu tư, thu hút nguồn nhân lực để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng của Trung ương; đồng thời tham mưu ban hành và triển khai cơ chế chính sách thu hút của tỉnh.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản triển khai	Thường xuyên
9.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương nhằm triển khai Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, các nghị định của Chính phủ và chính sách liên quan đến đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương theo quy định	Thường xuyên
10.	Xây dựng Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I/2026
11.	Ban hành quy định Quản lý nhiệm vụ Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành có liên quan	Quyết định UBND tỉnh	Quý II/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
12.	Xây dựng Kế hoạch huy động hạ tầng viễn thông, hạ tầng số dùng chung phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Trung ương.	Công an tỉnh.	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch của UBND tỉnh	Ngay khi Bộ Công an ban hành
13.	Xây dựng kế hoạch triển khai cơ chế, chính sách ưu đãi trong cấp thị thực nhập cảnh, cư trú cho chuyên gia, nhà khoa học chất lượng cao.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi	Ngay khi Bộ Công an ban hành
14.	Xây dựng, triển khai Khung kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng; các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt Khung kiến trúc	Quý I/2026
15.	Xây dựng, triển khai Khung kiến trúc dữ liệu của tỉnh	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt Khung kiến trúc	Quý I/2026
16.	Xây dựng triển khai Kế hoạch phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt Kế hoạch	Quý I/2026
17.	Nghiên cứu thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Quyết định thành lập Quỹ	Tháng 11/2026
18.	Xây dựng Đề án đổi mới cơ chế quản lý điều hành và hoạt động Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Nội vụ	Quyết định phê duyệt Đề án	Quý II/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
19.	Xây dựng Kế hoạch phát triển ngành công nghiệp công nghệ số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các doanh nghiệp có liên quan	Kế hoạch UBND tỉnh	Quý II/2026
20.	Triển khai Đề án Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030	Tỉnh đoàn	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Nội vụ	Kế hoạch triển khai	Quý I/2026
21.	Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành và các doanh nghiệp có liên quan	Chương trình hành động của Ban thường vụ Tỉnh ủy	Quý I/2026
22.	Kiện toàn tiêu ban chỉ đạo an ninh mạng của tỉnh theo Kế hoạch 04-KH/BCĐTW	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành và các doanh nghiệp có liên quan	Quyết định thành lập tiểu ban chỉ đạo	Tháng 02/2026
23.	Rà soát, xây dựng hoàn thiện các hướng dẫn kỹ thuật cho chuyển đổi số và phát triển KHCN, ĐMST, phục vụ phát triển kinh tế xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Văn bản hướng dẫn kỹ thuật cho chuyển đổi số và phát triển KHCN, ĐMST, phục vụ phát triển kinh tế xã hội.	30/6/2026
III.	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
24.	Tiếp tục triển khai Đề án phát triển ngành công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an toàn - an ninh mạng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên
25.	Thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo tại tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, các doanh nghiệp có liên quan	Trung tâm Đổi mới sáng tạo được thành lập	Quý I/2026
26.	Xây dựng dự án phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học tỉnh Gia Lai	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	dự án được phê duyệt	Tháng 10/2026
27.	Xây dựng danh mục các dự án hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển hạ tầng số mới, dịch vụ số mới, dữ liệu; đào tạo nhân lực công nghệ số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Danh mục các dự án	Hằng năm
28.	Triển khai các nền tảng số dùng chung theo danh mục đã được cấp có thẩm quyền ban hành, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông giữa các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.	Các sở, ngành, địa phương		Văn bản triển khai và báo cáo thực hiện	Tháng 6/2026
29.	Rà soát toàn bộ các hệ thống, đề xuất nhu cầu sử dụng dịch vụ điện toán đám mây và hạ tầng nhà trạm tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Văn bản đề xuất, kế hoạch triển khai	Quý I/2026
30.	Triển khai ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực: giao thông, nông nghiệp, công nghiệp	Các sở: Công Thương, Nông	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhiệm vụ tích hợp trong Kế hoạch Chuyển đổi số	Tháng 10/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
		ng nghiệp và Môi trường, Xây dựng			
31.	Xây dựng và triển khai kế hoạch thí điểm khu công nghiệp thông minh	Ban Quản lý Khu kinh tế	Sở Khoa học và Công nghệ	01 Mô hình khu công nghiệp thông minh	Tháng 10/2026
32.	Triển khai Trường học số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ sinh thái các nền tảng: dạy và học trực tuyến, kho dữ liệu bài giảng điện tử, thư viện điện tử, học bạ số, quản lý thiết bị dạy học...	Tháng 11/2026
33.	Tham gia xây dựng, hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu của tỉnh, các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành để phát triển kinh tế - xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Hoàn thành xây dựng và kết nối các CSDL	Tháng 06/2026
34.	Rà soát cấp chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của 04 khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy	Các sở, ngành, các cơ quan Đảng, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Mặt trận Tổ quốc tỉnh	100% lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của 04 khối được cấp chứng thư số	Thường xuyên
35.	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu với trung tâm dữ liệu quốc gia	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
36.	Triển khai phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu và các sản phẩm dịch vụ dữ liệu.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản triển khai và báo cáo thực hiện	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
37.	Rà soát, làm sạch dữ liệu án tích, căn cước canon phạm	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành	Số lượng dữ liệu được làm sạch, kết nối liên thông trên ứng dụng VNeID	Tháng 12/2026
38.	Tập trung hỗ trợ để phát triển một số tổ chức nghiên cứu mạnh trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	ICISE, Đại học Quy Nhơn, Đại học FPT	Hình thành tổ chức nghiên cứu mạnh tại viện IFIRSE, Đại học Quy Nhơn	Thường xuyên
39.	Triển khai thí điểm Hệ thống giám sát quản lý rừng thông minh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Hệ thống giám sát	Tháng 10/2026
40.	Xây dựng và triển khai Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị chuyển đổi số khối Đảng.	Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan Đảng	Dự án được triển khai	Năm 2026
41.	Triển khai xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương		Theo KH của Bộ NN&MT
42.	Triển khai các nền tảng số lĩnh vực Thanh tra	Thanh tra tỉnh		các nền tảng số được triển khai hiệu quả	Năm 2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
43.	Thúc đẩy các dự án năng lượng tái tạo mới đưa vào hoạt động; đẩy mạnh việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo an ninh năng lượng năm 2026	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp liên quan	- Có 08 dự án năng lượng tái tạo mới đưa vào hoạt động với tổng công suất 433,5MW. - Tiết kiệm điện khoảng 2,4% so với điện thương phẩm	Tháng 11/2026
IV.	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				
44.	Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về bán dẫn, AI và an toàn – an ninh mạng	Trường Đại học Quy Nhơn	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
45.	Xây dựng Kế hoạch thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh Gia Lai	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý II/2026
46.	Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật, bổ sung kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch, văn bản triển khai	Quý I/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
47.	Tiếp tục triển khai đề án phát triển giáo dục STEM cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh (mở rộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai trước khi sắp xếp).	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản triển khai và báo cáo thực hiện	Hàng năm
48.	Xây dựng mô hình STEM - Lab cấp tỉnh kiểu mẫu tại Trung tâm Khám phá khoa học và Đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Xây dựng và hoàn thiện các chương trình, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động trải nghiệm STEM cho học sinh từ cơ bản đến nâng cao tại Trung tâm Khám phá khoa học và Đổi mới sáng tạo	Tháng 10/2026
49.	Xây dựng chính sách hỗ trợ về đào tạo đối với sinh viên học các ngành bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an toàn an ninh mạng	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Chính sách	Văn bản triển khai của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
50.	Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thỏa thuận hợp tác với các trường đại học về đào tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Các sở ngành, địa phương	Kế hoạch triển khai thỏa thuận hợp tác	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
51.	Xây dựng Đề án thành lập trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo.	Đại học Quy Nhơn	Sở KH&CN, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ	Hình thành trung tâm đào tạo tiên tiến	Tháng 10/2026
52.	Triển khai quy định về tổ chức, biên chế, tiêu chuẩn cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số: hướng dẫn kiện toàn tổ chức bộ máy và thực hiện chế độ chính sách thu hút, đãi ngộ cán bộ thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tổ chức thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW và đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các ban Đảng	Văn bản triển khai của cấp có thẩm quyền	Sau khi TW ban hành
53.	Tổ chức Hội nghị tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số cho đại biểu Hội đồng nhân dân.	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Hội nghị	Tháng 01/2026
54.	Triển khai Kế hoạch phát triển đội ngũ trí thức trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Quyết định số 2711/QĐ-TTg ngày 12/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Các sở ngành, địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I/2026
55.	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn thông tin; nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Sở	Các sở ngành, địa phương	100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được đào tạo, bồi	Tháng 10/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
		Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế		dưỡng	
V.	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước bảo đảm quốc phòng và an ninh				
56.	Triển khai 04 thủ tục hành chính trong Đảng trên Công dịch vụ công Quốc gia (thu, nộp đảng phí; chuyển sinh hoạt đảng chính thức; chuyển sinh hoạt đảng tạm thời; lấy ý kiến nhận xét của chi ủy, chi bộ đối với đảng viên của mình thực hiện nhiệm vụ nơi cư trú)	Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan đảng các cấp	Hệ thống vận hành ổn định	Năm 2026
57.	Số hoá văn bản, tài liệu nghiệp vụ tại các cơ quan đảng giai đoạn 2010-2015	Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan đảng các cấp	100% tài liệu được số hóa	Năm 2026
58.	Triển khai ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tuyên giáo và dân vận	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các cơ quan đảng các cấp	Triển khai đưa vào sử dụng đảm bảo yêu cầu của Trung ương	Năm 2026
59.	Triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.	UBKT Tỉnh ủy	Các cơ quan đảng các cấp	Triển khai đưa vào sử dụng đảm bảo yêu cầu của Trung ương	Năm 2026
60.	Triển khai vận hành hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung	Văn phòng Ủy ban	Các địa phương	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục	Năm 2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
		nhân dân tỉnh, các sở ngành		hành chính theo mô hình tập trung vận hành ổn định	
61.	Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân các xã, phường	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện	Quý II/2026
62.	Triển khai Mô hình xã hạt nhân về chuyển đổi số	Tỉnh đoàn	Ủy ban nhân dân các xã, phường	Mô hình 30 xã hạt nhân	Năm 2026
63.	Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	Hệ thống được đưa vào vận hành	Năm 2026
64.	Hoàn thành việc nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Nâng cấp Trung tâm điều hành thông minh dựa trên dữ liệu theo hướng dẫn của Bộ KH&CN	Tháng 9/2026
65.	Xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
66.	Xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông	Sở Xây dựng		Kế hoạch triển khai	Tháng 02/2026
67.	Triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	Các ứng dụng, nền tảng số ứng dụng AI được xây dựng, phổ cập sử dụng	Năm 2026
68.	Xây dựng, triển khai Dự án Trung tâm an ninh mạng tỉnh Gia Lai	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành đầu tư Trung tâm an ninh mạng tỉnh Gia Lai	Năm 2026
69.	Xây dựng, triển khai các mô hình hợp tác 03 nhà nhằm tăng cường mối liên kết chặt chẽ giữa "Nhà nước - Nhà khoa học - Doanh nghiệp"	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	02 mô hình hợp tác được triển khai	Quý I/2026
70.	Hoàn thiện Hệ thống theo dõi chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Hệ thống theo dõi chỉ đạo, điều hành hoạt động hiệu quả, đánh giá chính xác	Quý III/2026
71.	Xây dựng và thực hiện các giải pháp chuyển đổi số trong quản lý, giám sát hoạt động khai thác thủy sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh, Bộ đội biên phòng tỉnh	Có giải pháp hiệu quả chống khai thác hải sản bất hợp pháp theo đúng quy định của IUU	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
72.	Triển khai số hóa văn bằng chứng chỉ theo Kế hoạch số 2355/KH-BGDĐT ngày 22/12/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Số hóa văn bằng chứng chỉ đã cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công an tỉnh	Dữ liệu văn bằng chứng chỉ được cập nhật vào CSDL văn bằng chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo bảo đảm đầy đủ, chính xác, trung thực tuyệt đối so với tài liệu giấy hiện có	Tháng 12/2026
73.	Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch triển khai Đề án	Sau khi Đề án được Chính phủ ban hành
74.	Triển khai mô hình cửa khẩu số tại Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.	Ban Quản lý Khu kinh tế	Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan Khu vực XIV, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên Phòng - Bộ Chỉ huy quân sự, Công an tỉnh, các cơ quan kiểm dịch và các cơ quan, đơn vị liên quan.	Các hệ thống, nền tảng số được triển khai	Tháng 6/2026
75.	Triển khai Hồ sơ bệnh án điện tử nâng cao tại các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.	Sở Y tế	Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa	Kế hoạch, báo cáo kết quả thực hiện	Tháng 12/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
			bàn tỉnh		
76.	Rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số của cơ quan, địa phương.	UBND cấp xã	Các sở, ngành, địa phương liên quan	100% xã đảm bảo điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số	30/6/2026
77.	Hướng dẫn việc tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử; 100% các đơn vị gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số; hoàn thành số hóa 100% tài liệu lưu trữ trong 3 năm gần đây; số hóa 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lỗi) của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số	Sở Nội vụ, Văn phòng Tỉnh ủy, Sở KH&CN	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Văn bản hướng dẫn và báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
78.	Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.	Các sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Các thủ tục hành chính được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa dựa trên dữ liệu	Thường xuyên
79.	Bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, hạ tầng mạng, phân công lãnh đạo, nhân lực; bố trí đủ nhân sự cho việc giải quyết TTHC ở cấp xã.	UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	100% xã đảm bảo điều kiện trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, hạ tầng mạng	31/3/2026
80.	Tổ chức thí điểm tối thiểu 03 gói mua sắm công đối với sản phẩm/giải pháp từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST được ứng dụng trong khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương liên quan	03 gói mua sắm công đối với sản phẩm/giải pháp từ	30/9/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	vực công (quản trị, dịch vụ công, y tế, giáo dục, đô thị thông minh, đường sắt đô thị...)			kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST được ứng dụng trong khu vực công	
81.	Thành lập hoặc kiện toàn đầu mối điều phối đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; ban hành danh mục nhu cầu công nghệ của địa phương; tổ chức kết nối với viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp	Quyết định thành lập đầu mối điều phối đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	31/3/2026
82.	Tổ chức đánh giá trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp/cụm ngành chủ lực của địa phương; xây dựng kế hoạch nâng cấp dây chuyền gắn mục tiêu nâng năng suất, chất lượng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp	Báo cáo đánh giá trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp/cụm ngành chủ lực của địa phương	31/3/2026
83.	Rà soát, điều chỉnh/hoàn thiện đăng ký kinh phí và kế hoạch vốn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và kế hoạch hoạt động trong năm 2026.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản đăng ký kinh phí và kế hoạch vốn năm 2026	31/3/2026
84.	Triển khai thí điểm chuyển đổi số toàn diện cho xã Tây Sơn (xã hạt nhân mô hình điểm về chuyển đổi số). Trong đó chú trọng triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số trong các lĩnh vực: đất đai, khai thác khoáng sản, quản lý rừng, đánh giá thiên tai, đánh số nhà, xây dựng bản đồ nền trên địa bàn xã, Dịch	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Tỉnh đoàn	Mô hình thí điểm được triển khai, đánh giá đầy đủ về hiệu quả ứng dụng chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng	30/4/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	vụ công, An ninh, trật tự, chợ số, trường học số, y tế số,, bình dân học vụ số ...	Khoa học và Công nghệ, UBND xã Tây Sơn		điểm làm cơ sở nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh	
VI.	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp				
85.	Xây dựng triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch triển khai Đề án	Năm 2026
86.	Triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Hằng năm
87.	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Có ít nhất 05 bài toán được công bố của tỉnh (Ứng dụng BIM trong báo cáo tiến độ xây dựng các công trình điểm;	31/3/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
				Ứng dụng GIS trong đánh số nhà tự động, Ứng dụng công nghệ tiên tiến quản lý khai thác khoáng sản, đánh giá thiên tai...)	
88.	Thành lập/Công nhận các Khu công nghiệp công nghệ số tập trung.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Khu công nghiệp công nghệ số tập trung được hình thành	Năm 2026
89.	Xây dựng Kế hoạch thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	Phối hợp rà soát cập nhật 100% sản phẩm OCOP mới lên sàn TMĐT, hỗ trợ DN, CS mở rộng thị trường qua chính sách XTTM	Tháng 12/2026
90.	Xây dựng công bố danh mục dự án đầu tư về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Danh mục dự án thu hút đầu tư	Thường xuyên
91.	Xây dựng Chương trình hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	Quyết định ban hành Chương trình	Tháng 12/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
VII.	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
92.	Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, vật lý thiên văn, đào tạo STEM, công nghệ sinh học....	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Thỏa thuận hợp tác	Thường xuyên
93.	Phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm ICISE để thu hút các nhà khoa học, sinh viên đam mê khoa học đến với tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, trung tâm ICISE	Có ít nhất 20 hội thảo quốc tế được tổ chức	Thường xuyên
94.	Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia, trí thức trong và ngoài nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Cơ sở dữ liệu	Thường xuyên
